

Số: 141/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 19/12/2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hiến

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 664/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Thị S - sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn V, xã N, thị xã N, tỉnh K.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn V, xã N, thị xã N, tỉnh K

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 05/9/2022, bản tự khai ngày 01/11/2022, biên bản hòa giải bà Lê Thị S trình bày:

Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quang, thị xã N. Trong thời gian chung sống giữa bà S và ông L thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, hai bên không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau. Bà S và ông L không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Nay tình cảm không còn nên bà S xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà S và ông L có 02 con chung là Nguyễn Văn NG, sinh ngày 20/12/1997 và Nguyễn Thị Thu TH, sinh ngày 20/01/2003. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà S và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà S xác định bà S và ông L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2022 ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà S. Quá trình chung sống giữa ông L và bà S có xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi nhau nên bà S yêu cầu ly hôn thì ông L đồng ý ly hôn. Do bận công việc nên ông L đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

Về con chung: Ông L và bà S có 02 con chung là Nguyễn Văn NG, sinh ngày 20/12/1997 và Nguyễn Thị Thu TH, sinh ngày 20/01/2003. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông L và bà S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L xác định ông L và bà S không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Bà S và ông L có 02 con chung là Nguyễn Văn NG, sinh ngày 20/12/1997 và Nguyễn Thị Thu TH, sinh ngày 20/01/2003, các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung bà S và ông L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà S và ông L.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị S khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn L có địa chỉ tại thôn Vạn Hữu, xã Ninh Quang, thị xã N về việc

“Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Ninh Quang, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62/1996 ngày 30/8/1996. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống giữa bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn L phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Bà S và ông L không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Mặc dù các bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt được kết quả. Xét thấy tình NG vợ chồng giữa bà S và ông L không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có níu kéo cũng không đem lại hạnh phúc cho các bên, bà S và ông L đều thống nhất ly hôn nên yêu cầu ly hôn của bà S với ông L là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Văn NG, sinh ngày 22/12/1997 và Nguyễn Thị Thu TH, sinh ngày 20/01/2003. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn L xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Văn NG, sinh ngày 20/12/1997 và Nguyễn Thị Thu TH, sinh ngày 20/01/2003. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn L xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị S phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005191 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà S đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã N, thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy